

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ

Bản án số: 120/2017/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC, TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đàn

2. Bà Trương Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2017/TLST- HNGĐ ngày 04/10/2017 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/QĐXX-ST ngày 13/11/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lục Văn T; Sinh năm 1984.

Nơi cư trú: Thôn TĐ, xã ĐH, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Đình Thị N; Sinh năm 1984.

Quê quán, hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng: Thôn TĐ, xã ĐH, Huyện BT, tỉnh Thanh Hóa

Là người mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 07/2017/QĐDS ngày 29/8/2017.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2017 và các lời khai tại Tòa anh Lục Văn Thành trình bày: Anh T và chị N tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐH năm 2005. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống hạnh phúc. Do

kinh tế khó khăn anh T phải đi Hà Nội làm ăn thì chị N ở nhà mang theo con chung bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2013. Khi đi chị N không để lại tin tức, địa chỉ cho anh T.

Anh T đã tìm kiếm tin tức của chị N qua người thân, bạn bè đều không có kết quả. Tòa án nhân dân huyện Bá Thước đã tuyên bố chị Đinh Thị N là người mất tích theo Quyết định số 07/2017/QĐDS-ST ngày 29/8/2017.

Nay anh Lục Văn T có nguyện vọng ly hôn chị Đinh Thị N.

Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Lục Văn T sinh ngày 24/6/2007, khi đi chị N mang theo con chung nay anh T không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản: Chị Đinh Thị N là người mất tích, anh T trình bày không có tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh Lục Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

- Anh Lục Văn T và chị Đinh Thị N tự do tìm hiểu tự nguyện lấy nhau có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ H, huyện BT năm 2005 nên hôn nhân của anh T và chị N hợp pháp.

Tình trạng hôn nhân: Chị N đã bỏ đi làm ăn từ năm 2013 đến nay. Tòa án đã có quyết định tuyên bố chị Đinh Thị N là người mất tích. HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho anh Lục Văn T ly hôn chị Đinh Thị N.

Về con chung: Anh Lục Văn T và chị Đinh Thị N có 01 con chung. Là cháu Lục Văn T sinh ngày 24/6/2007. Chị N đã mang con đi cùng nay anh T không yêu cầu giải quyết gì về con chung. HĐXX không xem xét.

Về tài sản: Chị Đinh Thị N là người mất tích, anh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh Lục Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Xử cho anh Lục Văn T ly hôn chị Đinh Thị N.

2. Về án án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, anh Lục Văn T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2015/0004801. ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước (anh T đã nộp đủ).

Án sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết án hợp lệ.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát;
- Các đương sự;
- UBND xã ..
- Lưu.

Trần Thị Quyên

